

Bản án số: 200/2018/HNGĐ-ST  
Ngày 31 - 8 - 2018  
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐOI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tiêu Hồng Phượng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Châu Trung Trực

Ông Nguyễn Hoài Phong

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Đoi, tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 30 và 31 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Đoi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 234/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị Ng, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp N, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Hồ Văn A, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp N, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau

Tại phiên tòa chị Ng, anh A có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 14/5/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ngô Thị Ng trình bày:

- Về hôn nhân: Chị với anh Hồ Văn A tự nguyện chung sống năm 2000, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do anh A không lo lắng làm ăn, không quan tâm vợ con,

sự việc được hai bên gia đình hàn gắn nhiều lần nhưng không thành nên ngày 27/02/2017 chị đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với anh A được Tòa án thụ lý giải quyết. Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị nhận thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị với anh A vẫn còn hàn gắn lại tiếp tục chung sống với nhau để lo lắng cho con nên chị đã rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau nhưng chỉ được khoảng 03 tháng anh A có hành động đánh chị nên vợ chồng đã ly thân, hiện tại anh A đã chung sống với người phụ nữ khác. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A.

- Về con chung: Chị Ng xác định vợ chồng có 02 người con chung tên Hồ Lý T sinh ngày 22/01/2001 và Hồ Quốc N sinh ngày 11/4/2006, hiện cháu N do chị nuôi dưỡng, cháu T do anh A nuôi dưỡng. Khi ly hôn tùy theo nguyện vọng các con muốn ở với ai thì người đó nuôi dưỡng, nếu các cháu có nguyện vọng ở cùng chị thì chị nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng cho con chị thống nhất theo trình bày của anh A.

- Về tài sản chung: Chị Ng xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có tạo lập được các tài sản như sau:

+ Vào năm 2016 vợ chồng có xây dựng 01 căn nhà trên phần đất cha, mẹ ruột anh A giá trị lúc xây dựng 170.000.000 đồng, giá trị hiện tại chị thống nhất theo anh A xác định bằng 90.000.000 đồng. Khi ly hôn chị yêu cầu nhận  $\frac{1}{2}$  giá trị, giao nhà cho anh A được hưởng.

+ 01 tivi màu mua năm 2016, giá trị lúc mua 4.200.000 đồng, giá trị hiện tại chị thống nhất theo anh A xác định bằng 800.000 đồng. Khi ly hôn chị Ng thống nhất nhận hiện vật và đồng ý giao  $\frac{1}{2}$  giá trị cho anh A.

+ 01 chiếc vỏ Composite và 01 cái máy Honda mua năm 2016, giá trị lúc mua 10.000.000 đồng, giá trị hiện tại chị thống nhất theo anh A xác định bằng 3.000.000 đồng. Khi ly hôn chị thống nhất nhận hiện vật và đồng ý giao  $\frac{1}{2}$  giá trị cho anh A.

+ 01 cái giường ngủ mua năm 2016, giá trị lúc mua 7.000.000 đồng, giá trị còn lại 6.000.000 đồng; 01 tủ phê mua năm 2016 giá trị lúc mua 3.000.000 đồng, giá trị còn lại 2.000.000 đồng; 01 tủ lạnh mua năm 2016 giá lúc mua 9.500.000 đồng, giá trị còn lại 8.000.000 đồng. Khi ly hôn chị Ng thống nhất nhận các tài sản trên theo yêu cầu anh A.

+ Đối với khoản tiền bảo hiểm: Chị Ng thừa nhận vợ chồng có tham gia bảo hiểm với Công ty Dai iChi Life Nhật Bản do chị Ng đứng tên, thời hạn bảo hiểm 15 năm, trong thời gian tham gia vợ chồng đóng được 04 năm thì ngưng không đóng nữa với tổng số tiền 28.000.000 đồng, nhưng do chị không còn khả năng đóng tiếp đến năm 2018 chị đã chấm dứt hợp đồng với Công ty và chị đã nhận lại được số tiền 15.794.700 đồng. Tuy nhiên, đối với khoản tiền này trong thời gian vợ chồng ly thân chị không có nhà ở, không có nghề nghiệp ổn định mà phải lo cho các con ăn học và

chi phí sinh hoạt hàng ngày nên chị đã sử dụng hết số tiền đã nhận lại từ Công ty, nên không đồng ý phân chia theo yêu cầu anh A.

- Về nợ: Chị Ng xác định vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

\* Tại văn bản ngày 07/6/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án bi đơn anh Hồ Văn A trình bày:

- Về hôn nhân: Qua phân trình bày của chị Ng về ngày tháng năm chung sống, không đăng ký kết hôn và nguyên nhân mẫu thuẫn dẫn đến ly hôn theo chị Ng trình bày là đúng, nay anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Ng.

- Về con chung: Anh thống nhất theo chị Ng trình bày là đúng. Khi ly hôn anh đồng ý theo yêu cầu chị Ng, nếu các cháu có nguyện vọng ở cùng chị Ng thì anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu N tròn 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/9/2018, trong trường hợp 02 cháu ở với anh thì anh nuôi dưỡng, không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản:

+ Vào năm 2016 có xây dựng 01 căn nhà trên phần đất của cha mẹ ruột anh như chị Ng trình bày là đúng, giá trị thực tế chỉ bằng 90.000.000 đồng. Đối với căn nhà này anh xác định đó là tài sản riêng của anh vì thời điểm vào năm 2017 chị Ng có yêu cầu xin ly hôn với anh và giữa anh với chị Ng đã có thỏa thuận chia tài sản xong nên không đồng ý phân chia theo yêu cầu của chị Ng.

+ 01 tivi màu mua năm 2014, giá trị lúc mua 4.200.000 đồng, giá trị còn lại là 800.000 đồng, khi ly hôn anh yêu cầu giao tivi cho chị Ng hưởng, chị Ng có nghĩa vụ giao lại cho anh ½ giá trị.

+ 01 chiếc vỏ Composite và 01 cái máy mua năm 2016, giá trị lúc mua 10.000.000 đồng, giá trị hiện tại còn lại của chiếc vỏ là 1.000.000 đồng, 01 cái máy nổ hiệu Honda là 2.000.000 đồng. Khi ly hôn anh yêu cầu giao vỏ, máy cho chị Ng được hưởng, chị Ng có nghĩa vụ giao lại cho anh ½ giá trị.

+ 01 cái giường ngủ mua năm 2016, giá trị còn lại 6.000.000 đồng, 01 tủ phê mua năm 2016, giá trị còn lại 2.000.000 đồng, 01 tủ lạnh mua năm 2016, giá trị còn lại 8.000.000 đồng. Anh A xác định đó là tài sản riêng do chị Ng tự mua nên khi ly hôn anh tự nguyện giao cho chị Ng được hưởng.

+ Đối với khoản tiền bảo hiểm: Anh A xác định ngoài ra năm 2010 vợ chồng có tham gia hợp đồng bảo hiểm với công ty Dai iChi Life Nhật Bản do chị Ng đứng tên, thời hạn bảo hiểm 15 năm, trong thời gian tham gia vợ chồng đóng được 06 lần vào năm 2015 và 2016 với tổng số tiền 44.838.000 đồng (mỗi lần đóng 7.473.000 đồng), toàn bộ các lần đóng bảo hiểm do anh trực tiếp đóng, hiện tại chị Ng đã tự ý

hủy hợp đồng bảo hiểm với công ty. Khi ly hôn anh A yêu cầu nhận ½ giá trị trên tổng số tiền đã đóng bảo hiểm 44.838.000 đồng.

- Về nợ: Anh A xác định vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hôn nhân: Chị Ngô Thị Ng với anh Hồ Văn A chung sống với nhau năm 2000, anh chị xác lập mối quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Ng xác định giữa chị với anh A không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị Ng vẫn giữ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A, được anh A đồng ý. Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị Ngô Thị Ng với anh Hồ Văn A là vợ chồng.

[2] Về con chung: Chị Ngô Thị Ng và anh Hồ Văn A có 02 người con chung tên Hồ Lý T sinh ngày 22/01/2001 và Hồ Quốc N sinh ngày 11/4/2006, tại phiên tòa chị Ng và anh A xác định tùy nguyện vọng của các con ở với ai thì người đó nuôi. Hội đồng xét xử xét thấy cháu N có nguyện vọng sống cùng với mẹ, cháu T có nguyện vọng sống cùng với cha. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu N cho chị Ng được tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu T cho anh A được tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ; đối với việc cấp dưỡng nuôi con anh A tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng bằng 1.000.000 đồng, việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ mỗi tháng một lần, kể từ ngày 01/9/2018 cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi được chị Ng đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận cấp dưỡng cho con của anh A và chị Ng là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, được chấp nhận; đối với anh A không đặt ra việc cấp dưỡng cho cháu T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản:

Đối với các tài sản 01 giường ngủ, 01 tủ phê, 01 tủ lạnh, 01 ti vi, 01 vỏ Composite và 01 máy Honda chị Ng và anh A thỏa thuận phân chia: Chị Ng được hưởng 01 giường ngủ, 01 tủ phê, 01 tủ lạnh, 01 ti vi, 01 vỏ Composite và 01 máy Honda; anh A được hưởng ½ giá trị (của 01 ti vi, 01 vỏ Composite và 01 máy Honda) bằng 1.900.000 đồng.

Đối với căn nhà: Chị Ng xác định là tài sản chung yêu cầu phân chia, anh A xác định là tài sản riêng không đồng ý phân chia. Xét thấy tại phiên hòa giải ngày 15/6/2018 anh A xác định căn nhà là tài sản riêng của anh vì vào thời điểm năm 2017

chị Ng có yêu cầu ly hôn giữa anh và chị Ng có thỏa thuận chia tài sản xong, tại phiên tòa anh A lại cho rằng anh xây dựng căn nhà là tiền riêng của anh, nhưng đều không được chị Ng thừa nhận có sự thỏa thuận phân chia xong và tiền xây dựng nhà là của vợ chồng cùng tạo ra và tại phiên tòa anh A cũng không có chứng cứ gì để chứng minh đó là tài sản riêng của anh. Nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Ng phân chia cho chị Ng được hưởng ½ giá trị là phù hợp.

Đối với tiền bảo hiểm: Anh A xác định đóng được 06 lần với số tiền 44.838.000 đồng yêu cầu chị Ng giao lại để phân chia nhưng anh A lại không đưa ra được chứng cứ để chứng minh; chị Ng xác định đóng được 04 lần, sau khi hủy hợp đồng phí chấm dứt hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn chị nhận được 15.794.700 đồng và chị đã chi phí cho việc nuôi con đã hết nên không đồng ý phân chia. Xét thấy sau khi ly thân chị Ng không đóng bảo hiểm nên Công ty đã hủy hợp đồng và chị Ng chỉ nhận lại được 15.794.700 đồng theo phiếu chi tiền mặt ngày 21/3/2018 nên chấp nhận khoản tiền bảo hiểm của anh chị sau khi hợp đồng bị hủy còn lại là 15.794.700 đồng. Đối với khoản tiền này chị Ng cho rằng đã chi phí hết cho việc nuôi con không đồng ý phân chia là không phù hợp. Xét thấy từ khi ly thân đến nay chị Ng là người trực tiếp nuôi cháu N ăn học, không có sự quan tâm chia sẻ khó khăn về kinh tế từ anh A được anh A thừa nhận, mặt khác khi ly thân chị Ng cũng chưa có công việc ổn định tạo ra thu nhập trong thời gian nuôi con, mặc dù chị Ng không cung cấp được chứng từ chi phí cụ thể nhưng thực tế là chị Ng có chi. Từ đó nên chấp nhận một phần chi phí thực tế cho chị Ng đã chi là 9.000.000 đồng, đối trừ phần còn lại được chia đôi là phù hợp, nên việc anh A yêu cầu chia đôi số tiền 44.838.000 đồng không được chấp nhận.

[4] Về nợ: Chị Ng và anh A xác định anh chị không có nợ ai và không ai nợ lại anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Ngô Thị Ng phải chịu 300.000 đồng; án phí cấp dưỡng anh A phải chịu 150.000 đồng; án phí phân chia tài sản chị Ng phải chịu 5% đối với tổng giá trị tài sản được hưởng là 66.297.350 đồng; anh A phải chịu 5% đối với tổng giá trị tài sản được hưởng là 50.297.350 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 16; khoản 2 Điều 53; khoản 2 Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Ngô Thị Ng và anh Hồ Văn A là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Hồ Lý T sinh ngày 22/01/2001 cho anh A trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Hồ Quốc N sinh ngày 11/4/2006 cho chị Ng trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng), việc cấp dưỡng thực hiện định kỳ mỗi tháng một lần, kể từ ngày 01/9/2018 cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi. Chị Ng, anh A có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản:

- Chị Ng được hưởng 01 giường ngủ, 01 tủ phê, 01 tủ lạnh, 01 ti vi, 01 chiếc vỏ Composite, 01 máy Honda, 45.000.000 đồng (giá trị ½ căn nhà) và 3.397.350 đồng (tiền bảo hiểm).

- Anh A được hưởng 01 căn nhà, 1.900.000 đồng (giá trị ½ của 01 ti vi, 01 chiếc vỏ Composite và 01 máy Honda) và 3.397.350 đồng (tiền bảo hiểm).

Đổi trừ các khoản tiền được hưởng của anh A và chị Ng. Anh A có nghĩa vụ giao lại cho chị Ng số tiền là 39.702.650 đồng, 01 giường ngủ, 01 tủ phê, 01 tủ lạnh, 01 ti vi, 01 chiếc vỏ Composite và 01 máy Honda.

Kể từ ngày chị Ng có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền được thi hành án nếu như anh A chưa thi hành xong số tiền phải thi hành án thì phải chịu thêm phần lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thi hành án.

4. Về án phí:

- Chị Ngô Thị Ng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), chị Ng đã nộp tạm ứng 300.000 đồng tại biên lai số 0009898 ngày 16/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị Ng đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Anh Hồ Văn A phải chịu án phí cấp dưỡng là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng); anh A chưa nộp án phí cấp dưỡng.

- Chị Ngô Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.314.867 đồng (ba triệu ba trăm mười bốn nghìn tám trăm sáu mươi bảy đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.075.000 đồng tại biên lai số 0009899 ngày 16/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị Ng còn phải nộp 1.239.867 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Hồ Văn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.514.867 đồng (hai triệu năm trăm mười bốn nghìn tám trăm sáu mươi bảy đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.120.950 đồng tại biên lai số 0010046 ngày

15/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; anh A còn phải nộp 1.393.917 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Ng, anh A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- THA huyện Đầm Dơi;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Tiêu Hồng Phụng**